

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: 2606 /QĐ-TCHQ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách, phát triển
và Hiện đại hoá Cục Hải quan TP. Đà Nẵng giai đoạn 2011 - 2015**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-BTC ngày 22/6/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hoá ngành Hải quan giai đoạn 2011 – 2015;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan TP. Đà Nẵng, Lãnh đạo Ban Cải cách hiện đại hoá hải quan - Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hoá Cục Hải quan TP. Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2015” với những nội dung chủ yếu sau đây:

PHẦN I

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Mục tiêu tổng quát

Thực thi nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam, các cam kết và thông lệ quốc tế nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, đầu tư, du lịch, tăng cường an ninh quốc gia, an toàn cho cộng đồng và đảm bảo nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu cho ngân sách nhà nước. Phấn đấu xây dựng Cục hải quan TP. Đà Nẵng trở thành một trong những cơ quan hành chính đi đầu trong cải cách hành chính, hiện đại hoá ở TP Đà Nẵng và của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên cũng như khu vực các nước trên hành lang kinh tế Đông Tây. Cục hải quan TP. Đà Nẵng được xây dựng hiện đại, có lực lượng hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu; Thực hiện thông quan điện tử theo mô hình thống nhất của

ngành, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật quản lý rủi ro trong các khâu quy trình nghiệp vụ.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thủ tục hải quan điện tử; triển khai việc tiếp nhận, xử lý thông tin lược khai hàng hoá điện tử (e-manifest); xử lý dữ liệu thông quan điện tử (e-clearance); thực hiện thanh toán thuế, lệ phí hải quan bằng phương thức điện tử (e-payment); tiếp nhận, trao đổi thông tin giấy phép và C/O điện tử (e-C/O và e-permits) sau khi Tổng cục Hải quan xây dựng và áp dụng triển khai.

- Thành lập và đưa vào hoạt động các địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trên các địa bàn trọng điểm đã được phê duyệt như tại KCN Hoà Khánh, khu vực cảng Tiên Sa. Tiếp tục triển khai kế hoạch hiện đại hoá trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát: lắp đặt máy soi container, máy soi hàng hoá, hệ thống camera giám sát và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

- Triển khai và hoàn thiện công tác hiện đại hóa thu nộp ngân sách nhà nước đối với hàng hóa XNK giữa Hải quan - Kho bạc - Ngân hàng.

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin và quản lý rủi ro; thực hiện quản lý rủi ro hiệu quả cả trước, trong và sau thông quan; giảm tỷ lệ kiểm tra.

- Phát triển hoạt động của đại lý thủ tục hải quan cho một số doanh nghiệp trên địa bàn đủ điều kiện.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra sau thông quan đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ, áp dụng rộng rãi thủ tục hải quan điện tử.

- Xây dựng Hải quan Đà Nẵng thành đơn vị Hải quan hiện đại của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, xây dựng trụ sở mới có đầy đủ trang thiết bị cơ sở vật chất hiện đại, quy trình quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, ưu tiên và tập trung nguồn lực cho các Chi cục Hải quan cửa khẩu.

PHẦN II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

1.1. Mục tiêu:

- Các thủ tục và chế độ quản lý hải quan về cơ bản được đơn giản, hài hòa, tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

- Thủ tục hải quan được thực hiện chủ yếu bằng phương thức điện tử tại tất cả các Chi cục Hải quan.

- Mô hình nghiệp vụ được thực hiện trên hệ thống xử lý dữ liệu tập trung theo mô hình thống nhất của ngành bao gồm: tự động hoá việc quản lý thông tin hàng hoá bằng việc hoàn thiện hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử với một số cơ quan chủ yếu có liên quan đến quản lý hàng hoá, xử lý thông tin, quyết định hình thức kiểm tra trên cơ sở áp dụng phương thức quản lý rủi ro... áp dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin vào quản lý hải quan, đồng bộ giữa tin học hoá và tự động hoá thông qua các hệ thống quản lý thống nhất và hoàn chỉnh.

Mô hình thông quan hình thành ba khối: khối tiếp nhận, xử lý dữ liệu tập trung và phản hồi thông tin khai hải quan (trung tâm xử lý dữ liệu); khối kiểm tra hồ sơ tập trung (hải quan cửa khẩu), kiểm tra hàng hoá (địa điểm kiểm tra tập trung, điểm thông quan).

- Áp dụng quản lý rủi ro một cách có hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan; thực hiện cơ bản cơ chế một cửa hải quan quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN; thời gian giải phóng hàng trung bình đối với hàng hóa nhập khẩu đạt mức tiên tiến so với các nước trong khu vực.

- Rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, chuyển mạnh từ “tiền kiểm sang hậu kiểm”, tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan và thanh tra thuế.

- Áp dụng các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trong kiểm tra, giám sát hải quan.

1.2. Một số mục tiêu cụ thể:

- Về thủ tục hải quan điện tử: Phần đầu đến năm 2015 đạt 90% tờ khai và kim ngạch xuất nhập khẩu hàng mẫu dịch thực hiện thủ tục hải quan điện tử; 100% tờ khai loại hình gia công, hàng nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu được thanh toán qua mạng; trên 70% doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

- Bảo đảm đạt 90-95% thu nộp thuế, lệ phí bằng phương thức điện tử.

- Thời gian thông quan hàng hoá đối với hàng luồng xanh: thực hiện thông quan ngay khi hệ thống chấp nhận nội dung khai hải quan - khoảng 10 phút; luồng vàng: thông quan sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - khoảng 30 phút; luồng đỏ: kiểm tra thủ công từ 1 giờ đến 2 giờ.

- Thời gian kiểm tra thực tế hàng hoá qua máy soi container: từ 3-5 phút; kiểm tra thủ công kết hợp kiểm tra qua máy soi container: từ 30-60 phút.

- Toàn bộ hoạt động giám sát hải quan tại các địa bàn trọng điểm được thực hiện chủ yếu bằng phương tiện kỹ thuật (camera, seal điện tử, máy soi, bộ công cụ hỗ trợ,...).

1.3. Giải pháp và hoạt động triển khai:

- Tiếp tục thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử theo Quyết định 103/2009/QĐ-CP của Chính phủ đến hết năm 2011 và đẩy mạnh triển khai cho giai đoạn tiếp theo với quy mô tăng dần về khối lượng tờ khai, kim ngạch nhằm tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại trên địa bàn quản lý.

- Chuyển đổi mạnh mẽ phương thức quản lý hải quan từ phương thức thủ công sang phương thức điện tử trên cơ sở áp dụng đầy đủ e-Manifest, e-Clearance, e-Payment, e-Permits, e-C/O; từng bước áp dụng mô hình xử lý dữ liệu điện tử thông quan tập trung.

- Tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ, cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế.

- Phát triển hoạt động của đại lý thủ tục hải quan.

- Bám sát kế hoạch triển khai trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác giám sát, kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải và hệ thống CNTT của Tổng cục Hải quan để kịp thời triển khai tại đơn vị. Xây dựng kế hoạch hàng năm gửi Tổng cục Hải quan về đầu tư trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu công việc đề ra.

- Xây dựng địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung tại các địa bàn trọng điểm như tại KCN Hoà Khánh, khu vực cảng Tiên Sa.

- Đầu tư và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác kiểm tra giám sát bao gồm: hệ thống máy soi container, camera, bộ công cụ hỗ trợ,....

- Tổ chức triển khai, thực hiện tốt Tuyên ngôn phục vụ khách hàng.

1.4. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 1.

2. Công tác quản lý thuế:

2.1. Mục tiêu:

- Đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước.

- Hiện đại hoá công tác theo dõi và quản lý thu nộp ngân sách, hiện đại hóa công tác quản lý miễn giảm hoàn thuế, ưu đãi đầu tư,.... công tác thống kê, đánh giá, phân tích kim ngạch, số thu thuế để xây dựng dự toán thu cho từng sắc thuế theo từng năm.

- Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

- Hiện đại hoá theo dõi quản lý nợ thuế theo yêu cầu của Luật Quản lý thuế, theo dõi từng sắc thuế, chi tiết từng tờ khai để thực hiện thu nộp theo đúng trình tự quy định của Luật thông qua triển khai.

2.2. Một số mục tiêu cụ thể:

- Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu thu nộp NSNN hàng năm; tập trung xử lý dứt điểm các trường hợp nợ đọng thuế kéo dài như: nợ giải thể phá sản, nợ do nguyên nhân khách quan,... và không để phát sinh số nợ thuế khó đòi mới.

- Phần đầu giảm tỷ trọng nợ chuyên thu quá hạn so với số thu xuống dưới 1,5%.

- Số trường hợp nợ quá hạn và số nợ thuế quá hạn hàng năm phát sinh giảm 10% so với năm trước. Mỗi năm thu được 20% số thuế còn nợ các năm trước chuyển sang.

- Giảm thiểu các trường hợp cưỡng chế thuế.

2.3. Giải pháp và hoạt động triển khai:

- Triển khai và hoàn thiện nhanh chóng các chương trình kết nối để công tác hiện đại hoá thu nộp ngân sách đối với hàng hoá XNK giữa Hải quan - Kho bạc - Ngân hàng đạt hiệu quả.

- Triển khai đồng bộ các khâu kiểm tra thu thuế XNK, đốc thu, xử lý nợ đọng, không để phát sinh nợ xấu, thực hiện thu đúng, thu đủ nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người nộp thuế, trị giá tính thuế, danh mục biểu thuế, phân loại hàng hóa, xác định mức thuế.

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện pháp luật thuế hải quan, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

- Tăng cường công tác đốc thu hồi nợ đọng; áp dụng quyết liệt, linh hoạt các biện pháp cưỡng chế; phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để thu thập xử lý thông tin nhằm thu hồi nợ đọng thuế cho ngân sách.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức thực hiện tốt các chương trình ứng dụng, triển khai các dự án trao đổi thông tin.

2.4. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 2.

3. Quản lý rủi ro

3.1 Mục tiêu

- Áp dụng sâu rộng quản lý rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ hải quan, cả trước, trong và sau thông quan; hình thành hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan tập trung, hiện đại, chất lượng cao.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2015:

- + Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá tối đa 9%;

- + Tỷ lệ kiểm tra hồ sơ tối đa 15%, có 50% lô hàng được xác định kiểm tra thực tế trên cơ sở phân tích đánh giá rủi ro.

3.2 Giải pháp và hoạt động triển khai

- Xây dựng chương trình kế hoạch hàng năm về công tác thu thập, xử lý thông tin phục vụ quản lý rủi ro, trong đó tập trung vào các địa bàn trọng điểm, doanh nghiệp và mặt hàng có mức độ rủi ro cao, dễ gian lận thương mại.

- Xây dựng và áp dụng hồ sơ rủi ro, hồ sơ đánh giá doanh nghiệp, lập danh sách phân loại doanh nghiệp tuân thủ; nâng cao nhận thức và khả năng thực hiện quản lý rủi ro của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách về quản lý rủi ro.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin và quản lý rủi ro đáp ứng các yêu cầu trong làm thủ tục hải quan, xây dựng và nâng cấp các phần mềm ứng dụng.

3.3. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 3.

4. Công tác kiểm soát hải quan, kiểm soát ma túy; phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại.

4.1. Mục tiêu:

Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát hải quan, kiểm soát ma túy; phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại góp phần hiệu quả vào việc bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn sức khỏe cộng đồng, chống thất thu thuế, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, đảm bảo thực hiện tuân thủ chính sách của nhà nước đối với các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

4.2 Một số mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng cơ sở bí mật phục vụ cho công tác đấu tranh chuyên án nhằm phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ các đường dây, ổ nhóm buôn lậu lớn, có tổ chức, đặc biệt là các vụ buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, vũ khí và các loại hàng cấm góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Phân đấu từ nay đến năm 2015 xây dựng được 05 cơ sở bí mật theo đúng quy định, đồng thời xác lập được 05 chuyên án, phá từ 01-02 chuyên án.

- Đảm bảo thu thập thông tin 100% số doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trên địa bàn và đạt 90% các tiêu chí theo yêu cầu.

4.3. Giải pháp và hoạt động triển khai:

- Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp nghiệp vụ, xác định và hoàn thiện hồ sơ đối tượng trọng điểm để theo dõi quản lý, tiến hành sưu tra trên tất cả các địa bàn quản lý hải quan, đặc biệt là địa bàn cảng biển và cảng hàng không.

- Tăng cường nguồn nhân lực cho các đơn vị làm công tác thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan phục vụ cho công tác kiểm soát chống buôn lậu, kiểm soát ma túy.

- Hiện đại hóa hệ thống thu thập thông tin nghiệp vụ phục vụ công tác kiểm soát hải quan. Áp dụng sâu rộng quản lý rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ hải quan; hình thành hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan tập trung, hiện đại, chất lượng cao.

- Triển khai hiệu quả các biện pháp cần thiết, thực hiện các cam kết quốc tế trong phòng chống khủng bố, rửa tiền, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

4.4. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 4.

5. Kiểm tra sau thông quan; thanh tra thuế:

5.1. Mục tiêu:

Với mục tiêu đến năm 2015 đưa hoạt động kiểm tra sau thông quan về cơ bản đạt trình độ chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu quả dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro; quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan được chuẩn hoá trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; phân loại được các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; kiểm soát được doanh nghiệp, loại hình, mặt hàng XNK có độ rủi ro cao.

5.2. Một số mục tiêu cụ thể:

- Chuyển đổi mạnh mẽ công tác kiểm tra sau thông quan, tiến tới chuyển đổi căn bản phương thức quản lý từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan. Đến năm 2015, hoạt động kiểm tra của hải quan chủ yếu là kiểm tra sau thông quan.

- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra sau thông quan một cách toàn diện, tăng cường kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp nhằm đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, chú trọng các doanh nghiệp trọng điểm, các mặt hàng nhạy cảm, có nguy cơ gian lận.

- Mỗi năm kiểm tra ít nhất 10% số doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn và trong số doanh nghiệp được kiểm tra sau thông quan có ít nhất 10% số doanh nghiệp được kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp.

- Phấn đấu đến năm 2015 đạt 100% số lượng doanh nghiệp thuộc địa bàn được kiểm tra theo chu kỳ ít nhất 5 năm 1 lần/ 1 doanh nghiệp.

- Biên chế lực lượng kiểm tra sau thông quan đạt 10% biên chế của đơn vị. Cán bộ công chức kiểm tra sau thông quan đáp ứng yêu cầu chuyên sâu về trình độ, chuyên nghiệp trong các hoạt động nghiệp vụ.

5.3. Giải pháp và hoạt động triển khai:

- Xây dựng quyết tâm chuyển căn bản từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và doanh nghiệp XNK về hoạt động kiểm tra sau thông quan.

- Tăng cường công tác thu thập, xử lý thông tin, xây dựng kế hoạch kiểm tra sau thông quan trên cơ sở phân tích thông tin quản lý rủi ro, phát hiện kịp thời những sai sót làm thất thu thuế, gian lận thương mại,...

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện đúng hệ thống văn bản và kiểm tra sau thông quan, thanh tra thuế; thực hiện quy trình chuẩn và cầm nang về kiểm tra sau thông quan. Tăng cường biên chế cho lực lượng kiểm tra sau thông quan đảm bảo đạt chỉ tiêu theo qui định, đẩy mạnh công tác đào tạo cho lực lượng kiểm tra sau thông quan để từng bước đưa lực lượng kiểm tra sau thông quan lên chuyên nghiệp, chuyên sâu.

- Hình thành cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp đủ để phân loại được mức độ rủi ro của các doanh nghiệp có hoạt động XNK thường xuyên, doanh nghiệp có

kim ngạch XNK trung bình trở lên. Nâng cấp tích hợp các phần mềm sẵn có để thu thập thông tin dữ liệu điện tử phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan.

- Tăng cường năng lực phân loại đối tượng và xây dựng kế hoạch để lựa chọn doanh nghiệp cần kiểm tra và đánh giá tuân thủ; đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan và thanh tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp nhằm đánh giá mức độ tuân thủ.

- Nghiên cứu đề xuất chế độ đãi ngộ, tiêu chuẩn, khuyến khích cán bộ công chức thuộc lực lượng kiểm tra sau thông quan phục vụ lâu dài.

5.4. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 5

6. Đánh giá chỉ số hoạt động:

6.1. Mục tiêu:

Triển khai hệ thống chỉ số để đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của đơn vị đối với một số lĩnh vực cơ bản giúp cho việc đánh giá sự tiến bộ, hướng tới tầm nhìn và các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

6.2. Giải pháp và lộ trình triển khai:

- Xây dựng danh mục chỉ số theo hướng dẫn của tổng cục theo từng năm phù hợp với đặc điểm, tình hình hoạt động, các lĩnh vực nghiệp vụ đặc thù tại đơn vị;

- Tổ chức triển khai chỉ số hoạt động các lĩnh vực đề ra theo các yêu cầu chung về số liệu, phân tích và đánh giá hiệu quả chỉ số;

- Đánh giá, so sánh các đơn vị trong nội bộ và các Cục Hải quan địa phương khác, đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động. Xác định ra những vấn đề vướng mắc thông qua việc triển khai chỉ số.

6.3. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 6.

7. Tổ chức bộ máy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

7.1. Mục tiêu:

- Tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại dựa trên mô hình thủ tục hải quan điện tử. Bước đầu ứng dụng phương thức quản lý nguồn nhân lực mới dựa trên mô tả chức danh công việc.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nắm vững đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại.

7.2. Một số mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện việc phân công công việc cán bộ, công chức của từng đơn vị đáp ứng đúng yêu cầu của chức danh công việc theo quy định; 100% cán bộ, công chức xác định được các yêu cầu cần đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc rà soát, đánh giá năng lực theo bảng phân công công việc và theo mô tả chức danh công việc.

- Triển khai thực hiện các bảng mô tả chức danh công việc trong sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, công chức; 90% cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh công việc trước khi được điều động, luân chuyển quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào vị trí mới.

- Đến năm 2015, 80% cán bộ công chức công tác tại các vị trí đòi hỏi phải có trình độ ngoại ngữ được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; 90% cán bộ, công chức làm công tác tham mưu và thực thi chính sách được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ sâu, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu chức danh công việc.

7.3. Giải pháp và hoạt động để thực hiện mục tiêu:

- Khắc phục sự chồng chéo vướng mắc về chức năng nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu của quy trình thủ tục mới và làm cơ sở cho việc hướng tới mô hình Hải quan hiện đại. Dự kiến mô hình tổ chức của Cục đến năm 2015 vẫn trên cơ sở mô hình được tổ chức theo các Quyết định số 1027/QĐ-BTC ngày 15/5/2010 và Quyết định số 2053/QĐ-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính là: 17 đơn vị, gồm 09 Phòng tham mưu, 02 Đội kiểm soát và 06 Chi cục.

- Triển khai các công việc liên quan đến sắp xếp và đổi tên 02 Chi cục Hải quan cảng biển Đà Nẵng cho phù hợp với nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương, cụ thể: Đổi tên “Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng khu vực I” thành “Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư, Gia công”, chuyển chức năng quản lý cảng biển cho Chi cục HQCK cảng Đà Nẵng KVII và đồng thời đổi tên “Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng khu vực II” thành Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng”.

- Thực hiện điều động, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ theo yêu cầu công tác đảm bảo thực hiện công tác chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu quản lý đội ngũ cán bộ. Tuyển dụng mới đội ngũ cán bộ công chức để bổ sung lực lượng cán bộ tại đơn vị, chú trọng đến công tác đầu vào của cán bộ công chức như: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, đạo đức.

- Kiện toàn lại Ban CCHĐH của Cục Hải quan TP. Đà Nẵng để đảm bảo công tác chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hoá trong thời gian đến.

7.4. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 7.

8. Về thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin:

8.1. Mục tiêu:

- Ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch hiện đại hóa của Cục Hải quan TP Đà Nẵng. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan tích hợp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ và thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng xử lý dữ liệu điện tử tập trung.

- Phát triển và duy trì hoạt động ổn định của hạ tầng truyền thông, kết nối các đơn vị trong ngành hải quan và với các cơ quan có liên quan, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về băng thông và khả năng dự phòng.

8.2. Mục tiêu cụ thể:

- Hình thành hệ thống công nghệ thông tin hải quan gồm: e-manifest, e-clearance, e-payment, e-permits, e-C/O và các ứng dụng khác phục vụ việc quản lý và thống kê về hải quan.

- Hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản hỗ trợ cho hệ thống công nghệ thông tin hải quan gồm: cơ sở dữ liệu thông tin tình báo và quản lý tuân thủ; cơ sở dữ liệu trị giá hải quan; quản lý thuế; phân loại hàng hoá...

- Duy trì và nâng cấp Trung tâm dữ liệu - công nghệ thông tin đủ tiêu chuẩn đáp ứng tốt yêu cầu của ngành, nâng cao độ sẵn sàng, tính dự phòng đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt phục vụ công tác triển khai thủ tục hải quan điện tử.

- Phát triển các ứng dụng để khai thác dữ liệu sẵn có.

8.3. Giải pháp và hoạt động để thực hiện mục tiêu:

- Tập trung tối đa vào việc tin học hóa quy trình thủ tục hải quan; ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các lĩnh vực quản lý chỉ đạo điều hành: kế toán, quản lý cán bộ, thi đua khen thưởng, lưu trữ,....

- Triển khai kết nối thông tin dữ liệu với các ngành, các cơ quan liên quan như: Ngân hàng, Kho bạc nhà nước, cơ quan thuế, các hãng đại lý vận tải... theo các đề án của Tổng cục Hải quan triển khai.

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, an ninh an toàn mạng; hoàn thiện cơ chế vận hành bảo trì bảo dưỡng cho toàn bộ hệ thống.

- Xây dựng, hoàn thiện kho dữ liệu về hàng hóa xuất nhập khẩu, cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn, cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro,.. để nâng cao mức độ tự động hóa phục vụ cho công tác quản lý điều hành nghiệp vụ thống kê hải quan.

8.4. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 8.

9. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:

9.1. Mục tiêu:

- Phấn đấu đến năm 2015, cơ bản hoàn thiện trụ sở làm việc của Cục và của đơn vị trực thuộc Cục đạt yêu cầu về vị trí thuận tiện, diện tích và điều kiện làm việc, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý hải quan.

9.2. Giải pháp và hoạt động để thực hiện mục tiêu:

- Tiếp tục thực hiện các nội dung công việc theo chỉ đạo của Tổng cục Hải quan để chuẩn bị xây dựng trụ sở làm việc của Cục Hải quan TP Đà Nẵng.

- Báo cáo nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc của các Chi cục, trọng tâm là các Chi cục Hải quan cửa khẩu.

- Đưa vào hoạt động 01 địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung tại KCN Hoà Khánh; đồng thời tiếp tục báo cáo Tổng cục Hải quan và UBND TP Đà Nẵng sớm chỉ đạo triển khai địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung tại khu vực cảng Tiên Sa.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch hiện đại hoá trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác được Tổng cục Hải quan phê duyệt: lắp đặt máy soi container, máy soi hàng hoá, hệ thống camera giám sát và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

9.3. Các hoạt động và lộ trình thực hiện: chi tiết tại Phụ lục số 9.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức và thực hiện kế hoạch:

1. Giao nhiệm vụ cho Cục Hải quan TP. Đà Nẵng tổ chức triển khai kế hoạch này theo đúng mục tiêu, hoạt động và lộ trình đề ra.

2. Cục Hải quan TP. Đà Nẵng báo cáo với Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND TP. Đà Nẵng đề tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ; đồng thời chủ động phối hợp với các ngành có liên quan để thực hiện có hiệu quả.

3. Các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp với Cục Hải quan TP. Đà Nẵng triển khai thực hiện Kế hoạch để đồng bộ với chương trình hiện đại hoá của Ngành.

Điều 3. Về kinh phí thực hiện Kế hoạch: Trên cơ sở các hoạt động, Tổng cục Hải quan sẽ thực hiện phân bổ kinh phí theo quy định để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Cục trưởng Cục Hải quan TP. Đà Nẵng và thủ trưởng các đơn vị nêu tại Điều 2 có trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- UBND TP. Đà Nẵng (để phối hợp);
- Lãnh đạo TCHQ;
- Lưu: VT, CCHĐH (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Vũ Ngọc Anh

PHỤ LỤC
HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CẢI CÁCH, PHÁT TRIỂN
VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ CỤC HẢI QUAN TP. ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2011-2015
*(Kèm theo Quyết định số **2606** /QĐ-TCHQ ngày 08 /12 /2011)*

Phụ lục 1. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo Quyết định 103/2009/QĐ-CP của Chính phủ và triển khai cho giai đoạn tiếp theo.	2011 và các năm tiếp theo	Trung tâm DL&CNTT và Phòng GSQL	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
2	Triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin hàng hoá (e-manifest)	2012 - 2015	Trung tâm DL&CNTT và Phòng GSQL	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
3	Triển khai hệ thống thanh toán thuế bằng phương thức điện tử với các ngân hàng thương mại (e-payment)	2011 - 2015	Trung tâm DL&CNTT và Phòng TXNK	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
4	Triển khai hệ thống cơ chế một cửa hải quan quốc gia để trao đổi thông tin cấp phép với các Bộ, ngành liên quan (e-permits)	2012 - 2015	Trung tâm DL&CNTT và Phòng GSQL	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
5	Tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ thông quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh (e-clearance)	2012 - 2015	Trung tâm DL&CNTT và Phòng GSQL	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
6	Triển khai hệ thống xử lý thông tin xuất xứ hàng hoá (e-C/O)	2012 - 2015	Trung tâm DL&CNTT và Phòng GSQL	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
7	Áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt cho các doanh	2011 - 2012 và các năm	Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và các đơn vị liên	

	ngành có độ tuân thủ cao.	tiếp theo		quan	
8	Tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ, cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế.	2011 và các năm tiếp theo	Phòng GSQL, Các Chi cục Hải quan	Các đơn vị liên quan	
9	Phát triển hoạt động của đại lý thủ tục hải quan	2011 - 2012 và các năm tiếp theo	Trung tâm DL&CNTT và Phòng GSQL	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
10	Thành lập và đưa vào sử dụng địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung tại khu công nghiệp Hòa Khánh, khu vực Cảng Tiên Sa	2011 - 2012 và các năm tiếp theo	Phòng TVQT và Văn phòng Cục	Các đơn vị liên quan	
11	Đầu tư và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	2011 và các năm tiếp theo	Các Chi cục Hải quan và 2 Đội kiểm soát	Các đơn vị liên quan	
12	Tổ chức triển khai, thực hiện tốt Tuyên ngôn phục vụ khách hàng	2011 và các năm tiếp theo	Văn phòng Cục	Các đơn vị liên quan	

Phụ lục 2. Công tác quản lý thuế

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Triển khai chương trình kết nối để hiện đại hoá thu nộp các khoản thu đối với hàng hoá xuất nhập khẩu giữa Hải quan - Kho bạc - Ngân hàng.	2011-2012 và các năm tiếp theo	Trung tâm DL&CNTT và Phòng TXNK	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
2	Triển khai đồng bộ các khâu kiểm tra thu thuế	2011	Phòng TXNK và	Các Chi cục và	

	xuất nhập khẩu, đốc thu, xử lý nợ đọng, không để phát sinh nợ xấu, thực hiện thu đúng, thu đủ nộp vào Ngân sách nhà nước	và các năm tiếp theo	các Chi cục	các đơn vị liên quan	
3	Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người nộp thuế, trị giá tính thuế, danh mục biểu thuế, phân loại hàng hóa, xác định mức thuế	2011 -2015	Phòng TXNK, Phòng QLRR, Trung tâm DL&CNTT và các Chi cục	Các đơn vị liên quan	
4	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện pháp luật thuế hải quan, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế	Liên tục	Văn Phòng Cục, Phòng TXNK, các Chi cục	Các đơn vị liên quan	
5	Tăng cường công tác đốc thu hồi nợ đọng; áp dụng quyết liệt, linh hoạt các biện pháp cưỡng chế; phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để thu thập xử lý thông tin nhằm thu hồi nợ đọng thuế cho ngân sách	2011 và các năm tiếp theo	Phòng TXNK, các Chi cục, Đội KSHQ	Các đơn vị liên quan	
6	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức thực hiện tốt các chương trình ứng dụng, triển khai các dự án trao đổi thông tin.	2011 - 2015	Phòng TXNK, Trung tâm DL&CNTT, các Chi cục	Các đơn vị liên quan	

Phụ lục 3. Quản lý rủi ro

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình kế hoạch hàng năm về công tác thu thập, xử lý thông tin phục vụ QLRR, trong đó tập trung vào các địa bàn trọng điểm, doanh nghiệp và mặt hàng có mức độ rủi ro cao, dễ gian lận thương mại.	2011 và những năm tiếp theo	Phòng QLRR	Các đơn vị liên quan	

2	Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để thu thập thông tin từ các nguồn công khai và bí mật, trong và ngoài ngành nhằm tạo ra các sản phẩm thông tin hữu ích để cảnh báo cho các đơn vị, lập phương án quản lý đối tượng rủi ro hoặc thiết lập tiêu chí phân tích chính xác, kịp thời và có hiệu quả	2011 và những năm tiếp theo	Phòng QLRR	Các đơn vị liên quan	
3	Xây dựng và áp dụng hồ sơ rủi ro, hồ sơ đánh giá doanh nghiệp, lập danh sách phân loại doanh nghiệp tuân thủ; nâng cao nhận thức và khả năng thực hiện quản lý rủi ro của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách về quản lý rủi ro.	2011 và những năm tiếp theo	Phòng QLRR	Các đơn vị liên quan	
4	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin và quản lý rủi ro đáp ứng các yêu cầu trong làm thủ tục hải quan, xây dựng và nâng cấp các phần mềm ứng dụng.	2011- 2015	Phòng QLRR, Trung tâm DL&CNTT và các Chi cục	Các đơn vị liên quan	

Phụ lục 4. Công tác kiểm soát ma túy; phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, tiến hành sưu tra trên tất cả các địa bàn, đặc biệt là địa bàn cảng biển và cảng hàng không.	2011 và các năm tiếp theo	2 Đội Kiểm soát	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
2	Tăng cường nguồn nhân lực cho các đơn vị làm công tác thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ	2011-2012 và các năm	Phòng TCCB	2 Đội kiểm soát, Phòng QLRR,	

	vụ hải quan phục vụ cho công tác kiểm soát chống buôn lậu, kiểm soát ma túy.	tiếp theo		các Chi cục và đơn vị liên quan	
3	Tiến hành thu thập thông tin doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trên địa bàn; lập danh sách phân loại doanh nghiệp tuân thủ.	2011-2012 và các năm tiếp theo	2 Đội kiểm soát và Phòng QLRR	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
4	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan (sở hữu trí tuệ, phòng chống ma túy, thông tin tình báo...); áp dụng quản lý rủi ro trong thông tin nghiệp vụ kiểm soát hải quan dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.	2012 - 2015	2 Đội kiểm soát và Phòng QLRR, Phòng CBL&XLVP	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
5	Thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan; tổ chức phối hợp với các chủ sở hữu quyền trong việc trao đổi thông tin, hỗ trợ pháp lý...	2011 và các năm tiếp theo	Phòng CBL&XLVP và 2 Đội kiểm soát	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	
6	Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy	2011 và các năm tiếp theo	Đội kiểm soát phòng chống ma túy	Các Chi cục và các đơn vị liên quan	

Phụ lục 5. Kiểm tra sau thông quan; thanh tra thuế

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Xây dựng quyết tâm chuyển căn bản từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và doanh nghiệp XNK về hoạt động kiểm tra sau thông quan.	2011-2012 và các năm tiếp theo	Chi cục KTSTQ, Văn Phòng Cục.	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
2	Hình thành cơ sở dữ liệu để phân loại được mức	2011-2015	Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	

	độ rủi ro của các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu thường xuyên, doanh nghiệp có kim ngạch xuất nhập khẩu trung bình trở lên.				
3	Tăng cường biên chế cho lực lượng kiểm tra sau thông quan	2011-2012 và các năm tiếp theo	Phòng TCCB và Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
4	Đẩy mạnh công tác đào tạo cho lực lượng kiểm tra sau thông quan để từng bước đưa lực lượng kiểm tra sau thông quan lên chuyên nghiệp, chuyên sâu.	2011-2015	Phòng TCCB và Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
5	Đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan và thanh tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp.	2011-2015	Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
6	Tăng cường trang thiết bị hiện đại, kinh phí đảm bảo để hoạt động kiểm tra sau thông quan đạt hiệu quả cao nhất. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ này.	2011-2015	Phòng TV-QT và Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
7	Triển khai chương trình doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt.	2012-2015	Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
8	Nghiên cứu đề xuất chế độ đãi ngộ, tiêu chuẩn, khuyến khích cán bộ công chức thuộc lực lượng kiểm tra sau thông quan phục vụ lâu dài	2011-2012	Phòng TV-QT và Chi cục KTSTQ	Các Chi cục và đơn vị liên quan	

Phụ lục 6. Đánh giá chỉ số hoạt động

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện và báo cáo đúng quy định	2011 - 2015	Văn phòng	Các Chi cục và đơn vị liên	

				quan	
2	Xây dựng danh mục chỉ số theo hướng dẫn của tổng cục theo từng năm phù hợp với đặc điểm, tình hình hoạt động, các lĩnh vực nghiệp vụ đặc thù tại đơn vị	2011- 2015	Văn phòng	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
3	Tổ chức triển khai chỉ số hoạt động các lĩnh vực đề ra theo các yêu cầu chung về số liệu, phân tích và đánh giá hiệu quả chỉ số	2011- 2015	Văn phòng	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
4	Đánh giá, so sánh các đơn vị trong nội bộ và các Cục Hải quan địa phương khác, đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động. Xác định ra những vấn đề vướng mắc thông qua việc triển khai chỉ số	2011- 2015	Văn phòng	Các Chi cục và đơn vị liên quan	
	Đề xuất, kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, vấn đề bất cập phát sinh trong thực hiện không phù hợp với đề triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ số	2011-2015	Văn phòng Phòng GSQL	Các Chi cục và đơn vị liên quan	

Phụ lục 7. Tổ chức bộ máy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Triển khai các công việc để sắp xếp, đổi tên Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đà Nẵng khu vực I thành Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư, Gia công và Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đà Nẵng khu vực II thành Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đà Nẵng.	2011	Phòng TCCB	Các đơn vị liên quan	

2	Phân công công việc cán bộ, công chức của từng đơn vị đáp ứng đúng yêu cầu của chức danh công việc theo quy định.	2011-2012 và các năm tiếp theo	Phòng TCCB	Các đơn vị liên quan	
3	Triển khai thực hiện các bảng mô tả chức danh công việc trong sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, công chức.	2012 - 2015	Phòng TCCB	Các đơn vị liên quan	
4	Rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ công chức theo yêu cầu chức danh công việc.	2014-2015	Phòng TCCB	Các đơn vị liên quan	
5	Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tăng cường liên chính cho lực lượng Hải quan do Tổng cục hải quan ban hành.	2012-2015	Phòng TCCB	Các đơn vị liên quan	
6	Kiểm toàn lại Ban CCHĐH của Cục Hải quan TP Đà Nẵng để đảm bảo công tác chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện.	2011-2015	Phòng TCCB	Các đơn vị liên quan	

Phụ lục 8. Về thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Nâng cấp hệ thống nghiệp vụ hải quan tích hợp và các hệ thống khác có liên quan theo mô hình xử lý tập trung thống nhất của ngành	2012-2015	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
2	Triển khai hệ thống công nghệ thông tin hải quan gồm: e-manifest, e-clearance, e-payment, e-permits, e-C/O và các ứng dụng khác phục vụ việc quản lý và thống kê về hải quan.	2012-2015	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
3	Xây dựng và phát triển các hệ thống cơ sở dữ	2011-2015	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên	Kinh phí NSNN

	liệu cơ bản hỗ trợ cho hệ thống công nghệ thông tin hải quan gồm: cơ sở dữ liệu thông tin tình báo và quản lý tuân thủ; cơ sở dữ liệu trị giá hải quan; quản lý thuế; phân loại hàng hoá...			quan	theo phê duyệt
4	Xây dựng, hoàn thiện kho dữ liệu về hàng hóa xuất nhập khẩu, cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn, cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro.	2011-2015	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
5	Tập trung tối đa vào việc tin học hóa quy trình thủ tục hải quan; ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các lĩnh vực quản lý chỉ đạo điều hành: kế toán, quản lý cán bộ, thi đua khen thưởng, lưu trữ,....	2011-2015	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
6	Triển khai kết nối thông tin dữ liệu với các ngành, các cơ quan liên quan như: Ngân hàng, Kho bạc nhà nước, cơ quan thuế, các hãng đại lý vận tải... theo các đề án của Tổng cục Hải quan triển khai.	2011-2015	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
7	Duy trì, nâng cấp đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, an ninh an toàn mạng; hoàn thiện cơ chế vận hành bảo trì bảo dưỡng cho toàn bộ hệ thống.	Liên tục	TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
8	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin hải quan.	2011-2015	Phòng TCCB và TTDL&CNTT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt

Mu

Phụ lục 9. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến
1	Tiếp tục thực hiện các công việc theo chỉ đạo của Tổng cục Hải quan để xây dựng trụ sở làm việc của Cục Hải quan TP Đà Nẵng.	2011-2015	Phòng TVQT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
2	Báo cáo nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc của các Chi cục, trọng tâm là các Chi cục Hải quan cửa khẩu.	2012-2013	Phòng TVQT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
3	Đưa vào hoạt động 01 địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung tại khu công nghiệp Hoà Khánh; đồng thời tiếp tục báo cáo Tổng cục Hải quan và UBND TP Đà Nẵng sớm chỉ đạo triển khai địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung tại khu vực cảng Tiên Sa.	2011-2012	Phòng TVQT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt
4	Tiếp tục triển khai kế hoạch hiện đại hoá trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác được Tổng cục Hải quan phê duyệt: lắp đặt máy soi container, máy soi hàng hoá, hệ thống camera giám sát và các trang thiết bị kỹ thuật khác.	2011-2015	Phòng TVQT	Các đơn vị liên quan	Kinh phí NSNN theo phê duyệt